

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đề điều thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 187/TTr-SNN ngày 19/11/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Sở; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
  - + Lãnh đạo Văn phòng;
  - + KTN, TH, KTTH, TTPVHCC;
  - + Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Sơn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2416 /QĐ-UBND ngày 26 /11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết <sup>1</sup>	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (đồng)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
	<b>Lĩnh vực liên quan đến đê điều</b>									
<b>A</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>									
1	Cấp giấy phép đối với hoạt động cắt xê đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
2	Cấp giấy phép đối với hoạt động khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
3	Cấp giấy phép đối với hoạt động xây dựng công qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			

<sup>(1)</sup>Cơ chế giải quyết: MCLT: Thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông; MC: Thực hiện theo cơ chế một cửa; K: Không thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết <sup>1</sup>	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (đồng)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
4	Cấp giấy phép đối với các hoạt động xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 Km (kilômét) tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều.	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
5	Cấp giấy phép đối với các hoạt động sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng.	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
6	Cấp giấy phép đối với các hoạt động khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
7	Cấp giấy phép đối với các hoạt động đắp vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông.	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
8	Cấp giấy phép đối với các hoạt động nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết <sup>1</sup>	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí (đồng)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
9	Cấp giấy phép đối với các hoạt động xây dựng công trình quốc phòng, an ninh, công trình giao thông, thủy lợi, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, trạm bơm, âu thuyền	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
10	Cấp giấy phép đối với các hoạt động xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật Đất đai ngày 29/11/2006	MCLT	19 ngày	19 ngày	14 ngày	UBND tỉnh: 5 ngày	Không			
11	Điều chỉnh nội dung giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn Bắc Giang	MCLT	15 ngày	15 ngày	11 ngày	UBND tỉnh: 4 ngày	Không			

**Ghi chú:**

- Thời hạn giải quyết được tính bằng ngày làm việc;
  - Nơi tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang
- Địa chỉ: Trụ sở Liên cơ quan, Quảng trường 3/2, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang,  
 Website: <http://hcc.bacgiang.gov.vn>; Số điện thoại lẻ tân/tổng đài: (0204) 3531.111 – (0204) 3831.818;  
 Số điện thoại trực tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT: (0204) 3823829.

## **PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **LĨNH VỰC LIÊN QUAN ĐẾN ĐÊ ĐIỀU**

#### **1. Cấp giấy phép đối với hoạt động cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều**

##### **1.1. Trình tự thực hiện**

###### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

###### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

###### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

##### **1.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thăm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản này.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **1.4. Thời hạn giải quyết: 19 ngày**

Đối với hồ sơ phải xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Không tính thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định này.

### **1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định cấp giấy phép

**1.8. Phí, Lệ phí:** 0 đồng

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu kèm theo).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



*Tên tổ chức, cá nhân*  
(viết chữ in hoa)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép.....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....

2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....

2. Tên hoạt động:.....

3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đề điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **2. Cấp giấy phép đối với hoạt động khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều.**

### **2.1. Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

#### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

### **2.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thăm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản này.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **2.4. Thời hạn giải quyết: 19 ngày**

Đối với hồ sơ phải xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Không tính thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định này.

### **2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp giấy phép**

**2.8. Lệ phí:** Không**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu kèm theo).

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

***Tên tổ chức, cá nhân***  
***(viết chữ in hoa)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
**(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....



4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

### **3. Cấp giấy phép đối với hoạt động xây dựng công qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông**

#### **3.1. Trình tự thực hiện**

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

##### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

##### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

#### **3.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu tại 1 Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản này.

**Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **3.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

Đối với hồ sơ phải xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Không tính thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định này.

### **3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp giấy phép

### **3.8. Lệ phí:** Không

### **3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu kèm theo).

### **3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

### **3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Tên tổ chức, cá nhân**  
(viết chữ in hoa)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

#### **4. Cấp giấy phép đối với hoạt động xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 Km (kilômét) tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều**

##### **4.1. Trình tự thực hiện**

###### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

###### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

###### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

##### **4.2. Cách thức thực hiện:**



Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

#### **4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản này.

**Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

**4.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

#### **4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

#### **4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

**4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp giấy phép

**4.8. Lệ phí:** 0 đồng

**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu kèm theo).

#### **4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

#### **4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*Tên tổ chức, cá nhân*  
(*viết chữ in hoa*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(*Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về dê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **5. Cấp giấy phép đối với hoạt động Sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng.**

### **5.1. Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

#### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

### **5.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp giấy phép; thuyết minh phương án của hoạt động đề nghị cấp giấy phép.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) sổ đăng kiểm tàu, thuyền; giấy tờ chứng minh trọng lượng bản thân của tàu, thuyền, bè, mảng **Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **5.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

### **5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp giấy phép

### **5.8. Lệ phí:** 0 đồng

### **5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (Mẫu kèm theo).

### **5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề; quy hoạch đề điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đề điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đề điều đối với đề cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đề điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đề điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

**5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đôi với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



*Tên tổ chức, cá nhân*  
(viết chữ in hoa)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(*Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **6. Cấp giấy phép đối với hoạt động khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông.**

### **6.1. Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

#### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

### **6.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quyết định khác của pháp luật (nếu có).

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đê điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định cho thuê đất để vật liệu của cấp có thẩm quyền (đối với hoạt động quy định tại điểm b khoản này).

**Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **6.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

### **6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

### **6.8. Lệ phí:** 0 đồng

### **6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu kèm theo).

### **6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với

đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

#### **6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*Tên tổ chức, cá nhân*  
(*viết chữ in hoa*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(*Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....



4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **7. Cấp giấy phép đối với hoạt động để vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông.**

### **7.1. Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

#### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

### **7.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quyết định khác của pháp luật (nếu có).

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đê điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định cho thuê đất để vật liệu của cấp có thẩm quyền (đối với hoạt động quy định tại điểm b khoản này).

**Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **7.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

### **7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp giấy phép

### **7.8. Lệ phí:** 0 đồng

### **7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu kèm theo).

### **7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

#### **7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Tên tổ chức, cá nhân**  
(viết chữ in hoa)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (tên công trình đề điều) do (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét và cho phép (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **8. Cấp giấy phép đối với hoạt động nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều**

### **8.1. Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

#### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

### **8.2. Cách thức thực hiện:**



Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản này.

**Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **8.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

Đối với hồ sơ phải xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Không tính thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định này.

### **8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp giấy phép

### **8.8. Lệ phí:** 0 đồng

### **8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu 01 kèm theo).

### **8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

### **8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*Tên tổ chức, cá nhân*  
(*viết chữ in hoa*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(*Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**9. Cấp giấy phép đối với hoạt động xây dựng công trình quốc phòng, an ninh, công trình giao thông (trừ trường hợp cấp phép cho hoạt động bến thủy nội địa), thủy lợi, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, trạm bơm, âu thuyền.**

**9.1. Trình tự thực hiện**

**Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

**Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

**Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

**9.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản này.

**Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **9.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

Đối với hồ sơ phải xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Không tính thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định này.

### **9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp giấy phép

### **9.8. Lệ phí:** 0 đồng

### **9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu 01 kèm theo).

### **9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

### **9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



*Tên tổ chức, cá nhân*  
(*viết chữ in hoa*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép.....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(*Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **10. Cấp giấy phép đối với hoạt động xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2006**

### **10.1. Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

#### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

### **10.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

- Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản này.

***Số lượng hồ sơ:*** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **10.4. Thời hạn giải quyết:** 19 ngày

Đối với hồ sơ phải xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Không tính thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định này.

### **10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

### **10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp giấy phép

### **10.8. Lệ phí:** 0 đồng

### **10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều (Mẫu 01 kèm theo).

### **10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

### **10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*Tên tổ chức, cá nhân*  
(*viết chữ in hoa*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (*tên công trình đề điều*) do (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều*) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều*) xem xét và cho phép (*tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép*) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(*Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

#### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....



4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **11. Thủ tục điều chỉnh nội dung giấy phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

### **11.1. Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khi đủ điều kiện theo quy định;

- Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép;

- Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

#### **Bước 3: Trả kết quả**

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc qua hệ thống bưu chính.

### **11.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

### **11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép theo mẫu 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh.

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bổ sung (trường hợp đề nghị điều chỉnh) và phương án bảo đảm an toàn cho công trình đã được phê duyệt.

Giấy phép đã được cấp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có công chứng hoặc bản phô tô có bản gốc để đối chiếu);

Đối với những hoạt động được điều chỉnh có ảnh hưởng đến môi trường thì phải có đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; nếu ảnh hưởng đến thoát lũ, dòng chảy phải đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đê điều; có các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

**.Số lượng hồ sơ:** 04 bộ; (01 bản chính, 03 bản sao).

### **11.4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày.

Đối với hồ sơ phải xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Không tính thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định này.

### **11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép và trả kết quả.

**11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định điều chỉnh nội dung cấp phép

**11.8. Lệ phí:** 0 đồng

### **11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (Mẫu đơn kèm theo).

**11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

### **11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*Tên tổ chức, cá nhân*  
(viết chữ in hoa)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Điều chỉnh nội dung cấp phép**  
**đối với các hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép được cấp...

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đang tiến hành các hoạt động .....liên quan đến đề điều tại vị trí... theo Quyết định cấp phép số.... ngày... tháng... năm... của (tên cơ quan cấp phép)....; thời hạn sử dụng Quyết định cấp phép từ . .....đến .....

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh nội dung cấp phép đã cấp đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét và cho phép (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân xin điều chỉnh nội dung cấp phép) được tiếp tục hoạt các động liên quan đến đề điều với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động xin điều chỉnh nội dung: .....
- Vị trí của các hoạt động: .....
- Lý do đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép đã được cấp: .....
- Thời gian đề nghị điều chỉnh:.....; từ ngày..... tháng..... năm....., đến ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh nội dung cấp phép đã được cấp đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét, quyết định.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được cấp phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin**  
**điều chỉnh nội dung giấy phép**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung cấp phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 722 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....

4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đê điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều.....;
- .....
- Lưu VT, .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**